

HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP
VIỆT NAM

ACADÉMIE DE RECHERCHE
ET D'ENSEIGNEMENT
SUPÉRIEUR

KỶ YẾU
HỘI THẢO KHOA HỌC
CẤP QUỐC GIA
TÁI CƠ CẤU NGÀNH NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM
THEO HƯỚNG BỀN VỮNG:
CƠ HỘI, THÁCH THỨC VÀ GIẢI PHÁP
Hà Nội, ngày 30 tháng 5 năm 2026

NHÀ XUẤT BẢN HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP - 2026

LỜI NÓI ĐẦU

Trong bối cảnh toàn cầu hóa ngày càng sâu rộng, cùng với những tác động mạnh mẽ của biến đổi khí hậu, chuyển đổi số, chuyển dịch chuỗi cung ứng toàn cầu và yêu cầu ngày càng cao của thị trường nông sản, ngành nông nghiệp Việt Nam đang đứng trước nhiều cơ hội lớn và không ít thách thức. Điều này đòi hỏi ngành nông nghiệp phải tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, tái cơ cấu theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, phát triển xanh, bền vững và thích ứng hiệu quả với những biến động của nền kinh tế thế giới.

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách quan trọng nhằm thúc đẩy phát triển nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại và nông dân văn minh. Tuy nhiên, để hiện thực hóa các chủ trương đó, cần có sự chung tay của các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu, doanh nghiệp, địa phương và cộng đồng xã hội nhằm đề xuất những luận cứ khoa học, những mô hình thực tiễn và các giải pháp khả thi phù hợp với điều kiện phát triển của Việt Nam.

Trong khuôn khổ thực hiện dự án “Hỗ trợ nâng cao năng lực nghiên cứu, đào tạo và phục vụ cộng đồng trong lĩnh vực Chăn nuôi, Nuôi trồng thủy sản và Kinh tế - Xã hội của Học viện Nông nghiệp Việt Nam” do Chính phủ Bỉ tài trợ (Dự án Việt Bỉ), Học viện Nông nghiệp Việt Nam tổ chức Hội thảo khoa học cấp quốc gia với chủ đề: *“Tái cơ cấu ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam theo hướng bền vững: Cơ hội, thách thức và giải pháp”*. Hội thảo là diễn đàn khoa học có ý nghĩa thiết thực để các nhà khoa học, chuyên gia và nhà quản lý cùng trao đổi, chia sẻ các kết quả nghiên cứu, các kinh nghiệm thực tiễn góp phần tăng cường kết nối giữa nghiên cứu, đào tạo và thực tiễn phát triển nông nghiệp, nông thôn, từ đó thúc đẩy quá trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn theo hướng bền vững. Các bài viết trong kỷ yếu hội thảo có nội dung phong phú, mang tính khoa học và thời sự cao, tập trung vào nhiều nội dung quan trọng như: tái cơ cấu ngành nông nghiệp hướng tới giá trị gia tăng và phát triển bền vững; phát triển nguồn nhân lực phục vụ nông nghiệp công nghệ cao; chuyển dịch chuỗi cung ứng toàn cầu; phát triển du lịch nông nghiệp sinh thái; xây dựng thương hiệu nông sản địa phương; phát triển hệ thống lương thực thực phẩm gắn với dinh dưỡng; phát triển hạ tầng xanh trong nuôi trồng thủy sản; thúc đẩy thương mại điện tử trong kinh tế nông nghiệp; phát triển sản phẩm OCOP; cũng như các vấn đề môi trường và xã hội đang nổi lên như di cư, hồi hương và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Ban Tổ chức Hội thảo xin trân trọng cảm ơn sự quan tâm, tham gia và đóng góp quý báu của các nhà khoa học, chuyên gia, tác giả và quý vị đại biểu đã gửi bài tham luận, tham dự hội thảo và tích cực trao đổi ý kiến, góp phần quan trọng vào thành công

của Hội thảo. Ban Tổ chức cũng hy vọng rằng các kết quả nghiên cứu và trao đổi học thuật trong kỷ yếu này sẽ là nguồn tài liệu tham khảo hữu ích cho các nhà quản lý, nhà nghiên cứu, giảng viên, sinh viên và các tổ chức, cá nhân quan tâm đến phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững ở Việt Nam.

Xin kính chúc các quý vị sức khỏe và thành công trong cuộc sống.

Hà Nội, ngày 30 tháng 05 năm 2026

PGS.TS. Nguyễn Thị Minh Hiền

Trưởng Khoa Kinh tế và Quản lý, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

BAN BIÊN TẬP KỶ YẾU

Trưởng ban: PGS. TS. Nguyễn Thị Minh Hiền

Các thành viên:

PGS. TS. Nguyễn Mậu Dũng

TS. Nguyễn Hữu Nhuận

TS. Nguyễn Thị Thu Quỳnh

PGS.TS. Nguyễn Thị Hải Ninh

TS. Hồ Ngọc Cường

TS. Phạm Thanh Lan

TS. Lê Phương Nam

MỤC LỤC

Tái cơ cấu ngành nông nghiệp Việt Nam hướng tới giá trị gia tăng và phát triển bền vững <i>Trần Công Thắng</i>	1
Phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển nông nghiệp công nghệ cao bền vững ở Việt Nam: thách thức và giải pháp <i>Lưu Bích Ngọc, Nguyễn Thanh Hà, Nguyễn Bảo Ngọc</i>	2
Chuyển dịch chuỗi cung ứng toàn cầu: Giải pháp và hàm ý chính sách cho Việt Nam <i>Nguyễn Anh Tru, Đỗ Thị Tuyết Mai, Vũ Thị Hằng Nga, Trần Thị Mai Phương</i>	11
Đổi mới sáng tạo trong phát triển nông nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh <i>Phạm Thị Vân Anh, Nguyễn Phương Lê</i>	21
Tác động của trí tuệ nhân tạo và chuyển đổi xanh đến lao động nông nghiệp ở Việt Nam <i>Nguyễn Đức Chính</i>	31
Nhân tố ảnh hưởng đến quyết định áp dụng thương mại điện tử của chủ thể kinh tế nông nghiệp: Nghiên cứu thực nghiệm tại tỉnh Bắc Ninh <i>Đinh Thành Tuấn, Phan Thị Hà Châm, Chu Ánh Hồng, Hà Phương Chi</i>	38
Nhận thức về phát triển nông nghiệp xanh của nông hộ tại Hải Phòng: Thực trạng và hàm ý chính sách <i>Đặng Nam Phương, Mai Tiến Huy</i>	49
Sản xuất và tiêu thụ chuỗi tiêu hồng: nghiên cứu điểm tại xã Cổ Bi (cũ), Thành phố Hà Nội <i>Lê Phương Nam, Trần Thị Thu Trang, Nguyễn Hữu Hào, Nguyễn Mạnh Hiếu , Nguyễn Thị Ngọc Thương</i>	59
Tái cấu trúc hợp tác xã chè theo hướng nâng cao hiệu quả và phát triển bền vững: Bằng chứng thực nghiệm từ tỉnh Thái Nguyên <i>Lưu Thị Thùy Linh, Dương Hoài An, Vũ Thị Hiền, Hồ Lương Xinh</i>	69
Phân tích nguồn lực cho phát triển chăn nuôi bò thịt của hộ nông dân ở tỉnh Hưng Yên <i>Nguyễn Thị Thu Huyền, Nguyễn Thị Dương Nga, Ninh Xuân Trung, Stephen Ives, Phạm Văn Hùng</i>	79
Khởi nghiệp hợp tác xã nông nghiệp tại vùng phía tây thành phố Hải Phòng <i>Nguyễn Thị Thuỷ, Lê Thị Minh Châu, Trần Thị Thương</i>	80
Phát triển kinh tế hộ vùng ven biển tỉnh Hưng Yên <i>Lê Thị Thanh Loan, Lưu Văn Duy, Phạm Thị Thanh Thúy</i>	81

Phân mảnh đất đai và sản xuất lúa tại Việt Nam	
<i>Lê Thị Ngoan, Trần Nguyên Thành</i>	91
Phát triển kinh tế nông hộ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk: Trường hợp nghiên cứu tại phường Buôn Ma Thuột	
<i>Võ Xuân Hội, Phạm Thanh Hùng</i>	92
Mô hình hạ tầng xanh trong nuôi trồng và chế biến thủy sản bền vững: Kinh nghiệm thực tiễn từ Tập đoàn STP	
<i>Nguyễn Thị Trang</i>	103
Hệ thống lương thực thực phẩm gắn với cải thiện dinh dưỡng cho người dân Việt Nam: Sự khác biệt có tính đến yếu tố vùng	
<i>Nguyễn Phương Lê, Nguyễn Thị Yến, Nguyễn Thị Thanh Hà</i>	113
Thúc đẩy tiêu dùng thực phẩm bền vững: Tổng quan và hàm ý chính sách cho Việt Nam	
<i>Ngô Minh Hải, Nguyễn Anh Đức, Bùi Thị Lâm</i>	126
Thách thức và cơ hội thúc đẩy tiêu dùng thực phẩm xanh tại các thị trường đang phát triển: Tổng quan tài liệu nghiên cứu và bài học kinh nghiệm	
<i>Nguyễn Anh Đức, Nguyễn Thị Tâm, Vũ Minh Thư, Nguyễn Thị Hải Yến, Lê Thị Lộc, Nguyễn Tú Anh</i>	136
Quản lý sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất rau theo hướng bền vững tại khu vực phía tây Hà Nội	
<i>Nguyễn Thị Ngọc Thương, Lê Vũ Hà Phương</i>	145
Thúc đẩy xây dựng thương hiệu nâng cao danh tiếng và giá trị cho nông sản địa phương ở Việt Nam	
<i>Hồ Ngọc Cường</i>	155
Thúc đẩy thực hiện chương trình môi xã một sản phẩm trên địa bàn các xã ven đô Thành phố Hà Nội	
<i>Nguyễn Thị Thu Phương, Đỗ Thị Thanh Huyền, Nguyễn Văn Bảy, Nguyễn Thành Trung, Trần Thị Vân Anh</i>	164
Phát triển sản phẩm OCOP nhóm thực phẩm theo chuỗi liên kết trên địa bàn tỉnh Lai Châu: Thực trạng và giải pháp	
<i>Hoàng Thị Mai Anh, Nguyễn Đăng Học, Phí Thị Diễm Hồng, Lê Thị Minh Châu, Phan Lê Trang, Nguyễn Thị Hải Bình</i>	176
Giải pháp thúc đẩy sản xuất và tiêu thụ sản phẩm OCOP của chủ thể hợp tác xã tại tỉnh Bắc Ninh	
<i>Lê Thị Minh Châu, Trần Minh Huệ, Hoàng Thị Mai Anh, Phan Lê Trang</i>	191

Hợp tác công tư trong quản lý và phát triển điểm đến du lịch nông thôn: Bài học kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn tại Việt Nam	
<i>Nguyễn Anh Đức, Nguyễn Tuấn Sơn, Nguyễn Hữu Thạch</i>	202
Giải pháp thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm nghề gắn với phát triển du lịch cộng đồng ở một số địa phương	
<i>Đỗ Quang Giám, Trần Thị Thanh Huyền, Đặng Thị Kim Hoa, Lê Thanh Hà, Mạc Đình Tuấn</i>	212
Phát triển du lịch tâm linh tỉnh hưng yên theo hướng bền vững: Thực trạng và giải pháp	
<i>Đỗ Thị Thủy, Hồ Ngọc Ninh, Hoàng Văn Hùng, Vũ Thị Huyền</i>	220
Thực trạng tiêu thụ sản phẩm nghề, nghề truyền thống gắn với phát triển du lịch cộng đồng tại tỉnh Tuyên Quang	
<i>Trần Thị Thanh Huyền, Đỗ Tuấn Minh, Lê Thị Kim Oanh, Nguyễn Ngọc Mai, Đào Hồng Vân</i>	229
Đa dạng hóa sinh kế nông hộ thông qua phát triển du lịch nông thôn tại Thành phố Hồ Chí Minh	
<i>Lại Thị Tuyết Lan[*], Nguyễn Phượng Lê</i>	238
Phát triển nông nghiệp sinh thái gắn với du lịch trải nghiệm tại vùng phía tây thành phố Hải Phòng	
<i>Nguyễn Hữu Nhuận, Nguyễn Thọ Quang Anh, Nguyễn Thị Lý, Nguyễn Thị Thu Huyền, Trần Hương Giang, Trần Thế Cường, Bùi Văn Quang, Bùi Thị Khánh Hòa</i>	247
Các mô hình nông nghiệp tuần hoàn điển hình và ngụ ý chính sách cho phát triển nông nghiệp tuần hoàn ở Việt Nam	
<i>Nguyễn Thị Minh Hiền, Mai Lan Phương, Trần Nguyên Thành, Nguyễn Thị Phương, Bạch Văn Thủy</i>	256
Kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp: Kinh nghiệm từ một số quốc gia châu á và hàm ý chính sách cho Việt Nam	
<i>Nguyễn Thị Thu Linh</i>	257
Thực trạng và một số giải pháp nhằm phát triển nông nghiệp tuần hoàn ở xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai	
<i>Trương Thị Hiền Lương, Lại Thị Vân</i>	267
Nâng cao nhận thức về kinh tế tuần hoàn: Giải pháp thúc đẩy du lịch nông thôn gắn với vùng chè tại xã Tân Cương tỉnh Thái Nguyên	
<i>Hồ Lương Xinh, Lê Tôn Ngọc Nhi, Hồ Văn Bắc</i>	275
Đào tạo nghề cho lao động yếu thế ở nông thôn việt nam: Thực trạng và giải pháp	
<i>Đồng Thanh Mai, Nguyễn Thị Minh Hiền, Đỗ Thị Thanh Huyền</i>	283

Đào tạo nghề đạt chuẩn: Cơ hội và thách thức cho người học và cơ sở đào tạo <i>Nguyễn Thị Hải Bình, Phí Thị Diễm Hồng, Trần Thị Thương, Phan Lê Trang</i>	296
Thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ trên địa bàn tỉnh Ninh Bình <i>Trần Thị Vân, Nguyễn Mậu Dũng, Nguyễn Thị Hải Ninh</i>	307
Tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện của nông dân Việt Nam: Thực trạng và giải pháp <i>Nguyễn Mậu Dũng, Nguyễn Xuân Định, Nguyễn Thái Hà</i>	317
Phát triển logistics xanh trong doanh nghiệp: Từ lý luận đến thực tiễn và giải pháp tại Việt Nam <i>Nguyễn Thị Kim Oanh</i>	326
Đánh giá kết quả thực hiện bộ tiêu chuẩn ESG tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Bình Thuận <i>Trần Viết Phong, Nguyễn Thị Thu Quỳnh</i>	336
Di cư từ đô thị về nông thôn: Tổng quan tài liệu nghiên cứu <i>Nguyễn Anh Đức, Phạm Thanh Thủy, Nguyễn Ngọc Phương Mai, Ngô Phương Anh, Nguyễn Thị Hồng</i>	348
Di cư và hồi hương trong bối cảnh biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long: Phân tích bằng mô hình logit đa thức <i>Lê Thị Phương Dung, Nguyễn Thụy Hằng</i>	357
Ảnh hưởng của nhóm yếu tố nhân khẩu học đến tiêu dùng năng lượng bền vững của hộ dân tỉnh Sơn La <i>Nguyễn Thị Hải Ninh, Mai Lan Phương, Tạ Nhật Linh</i>	367
Các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tín dụng phi chính thức: Trường hợp các hộ nghèo tỉnh Thái Nguyên <i>Nguyễn Hữu Thu, Lê Thị Phương</i>	378
Yếu tố ảnh hưởng đến nhận thức về cân bằng bảo tồn và sinh kế trong quản lý vườn quốc gia: Bằng chứng thực nghiệm từ mô hình logit <i>Nguyễn Thị Lâm Anh, Nguyễn Thanh Lâm</i>	387

NÂNG CAO NHẬN THỨC VỀ KINH TẾ TUẦN HOÀN: GIẢI PHÁP THỨC THẦY DU LỊCH NÔNG THÔN GẮN VỚI VÙNG CHÈ TẠI XÃ TÂN CƯƠNG TỈNH THÁI NGUYÊN¹

Hồ Lương Xinh, Lê Tôn Ngọc Nhi, Hồ Văn Bắc*

Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Thái Nguyên

**Tác giả liên hệ: hovanbac@tuaf.edu.vn*

TÓM TẮT

Nghiên cứu được thực hiện với điều tra bằng bảng hỏi dùng thang đo Liker 5 mức độ với 200 hộ trồng chè có tham gia vào hoạt động du lịch nông thôn và 100 khách du lịch đã đi du lịch tại vùng chè Tân Cương. Kết quả cho thấy đã có 78,5% số hộ phỏng vấn đã có hiểu biết nhất định về kinh tế tuần hoàn trong phát triển du lịch nông thôn tại vùng chè Thái Nguyên, 73% khách du lịch rất hài lòng khi đến thăm quan, trải nghiệm các mô hình du lịch có áp dụng kinh tế tuần hoàn. Từ đó nghiên cứu cũng đưa ra được 3 giải pháp nhằm nâng cao nhận thức về kinh tế tuần hoàn thúc đẩy du lịch nông thôn gắn với vùng chè tại xã Tân Cương tỉnh Thái Nguyên bao gồm (1) tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục và tập huấn cho cộng đồng địa phương và khách du lịch về việc áp dụng kinh tế tuần hoàn trong hoạt động du lịch nông thôn. (2) đa dạng hoá các sản phẩm và dịch vụ du lịch nông thôn theo hướng bền vững dựa trên nguyên tắc của kinh tế tuần hoàn tại vùng chè Tân Cương. (3) tăng cường sự hợp tác giữa các bên liên quan trong phát triển du lịch nông thôn gắn với kinh tế tuần hoàn, trong đó nhấn mạnh vai trò trung tâm của cộng đồng địa phương.

Từ khóa: Kinh tế tuần hoàn, du lịch nông thôn, vùng chè Tân Cương, Thái Nguyên

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Áp dụng kinh tế tuần hoàn (KTTH) đang là một xu hướng mạnh mẽ ở nhiều quốc gia trên thế giới bởi chính những lợi ích về cả kinh tế, môi trường và xã hội. Tại Việt Nam KTTH đã được đề cập khá lâu, tuy nhiên gần đây KTTH được nhắc đến nhiều hơn trong lĩnh vực du lịch. KTTH được coi là bước chuyển tất yếu khi tài nguyên du lịch đang dần biến đổi, mất đi sức hấp dẫn vốn có dưới tác động của môi trường và hoạt động khai thác phục vụ du khách. Việc áp dụng KTTH góp phần bảo tồn tài nguyên du lịch, thực hiện mục tiêu phát triển du lịch bền vững (Bộ Khoa học và Công nghệ, 2022). Xã Tân Cương cách trung tâm tỉnh Thái Nguyên khoảng 10 km về phía Tây Nam là tâm điểm của vùng đất được mệnh danh là “Đệ nhất danh trà”. Người dân vùng chè Tân Cương không chỉ sản xuất chè mà còn biết thúc đẩy các hoạt động du lịch gắn với cây

¹ Nghiên cứu được tài trợ bởi dự án APN trường hợp: Kinh tế tuần hoàn trong sản xuất nông nghiệp hướng tới sự phát triển bền vững khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam” thuộc dự án do Mạng lưới châu Á – Thái Bình Dương về nghiên cứu thay đổi toàn cầu; CBA2024-05MY-Ho Van

chè mang đến cho khách tham quan nhiều trải nghiệm chân thực và khó quên. Trong đó, phải kể đến các mô hình du lịch nông thôn điểm như Hợp tác xã chè Hảo Đạt, Hợp tác xã chè Tâm Trà Thái, Hợp tác xã Trà và du lịch nông thôn Tiên Yên,... đang phục vụ rất tốt và là điểm đến hấp dẫn của khách du lịch. Năm 2025 ước tính có khoảng 3 triệu lượt khách du lịch đã đến với tỉnh Thái Nguyên và có các hoạt động du lịch tại vùng chè Tân Cương (Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch tỉnh Thái Nguyên, 2026). Theo thống kê các hoạt động du lịch nông thôn tạo ra nhiều chất thải hơn so với các hoạt động sản xuất và sinh hoạt thông thường. Khi đi du lịch, khách du lịch sử dụng nhiều vật dụng bằng nhựa, túi nilong, hộp xốp hoặc các đồ dùng một lần, trung bình mỗi chuyến du lịch khách du lịch thải ra môi trường từ 5-10 túi nilông, 2-4 vỏ chai nhựa, hộp xốp và các vật dụng cá nhân bằng nhựa dùng một lần (Mạnh Hùng, 2022). Như vậy nâng cao nhận thức của người dân làm du lịch tại vùng chè Tân Cương và khách du lịch về KTTH là cần thiết để phát triển du lịch nông thôn tại đây một cách bền vững và giảm phát thải. Nhận thức đúng về KTTH giúp giảm thiểu rác thải thông qua việc tối ưu hóa sử dụng tài nguyên trong du lịch và tối ưu tái chế rác thải, từ đó giảm lượng rác thải cần xử lý, bảo vệ các yếu tố của môi trường, nâng cao hiệu quả sản xuất (Nguyễn Thị Phương Thảo & cs., 2020). Bên cạnh đó, KTTH có thể giúp tăng cường khả năng cạnh tranh của sản phẩm du lịch tại vùng chè Tân Cương bằng cách sử dụng nguồn lực và năng lượng hiệu quả hơn, điều này có thể giúp tăng giá trị của sản phẩm du lịch và tạo ra lợi ích kinh tế cho cộng đồng địa phương. Xuất phát từ mục tiêu đó, nghiên cứu nhằm đánh giá nhận thức và đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao nhận thức cho các hộ làm du lịch vùng chè Tân Cương và khách du lịch tại đây về KTTH trong du lịch nông thôn.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Khảo sát thực địa

Nhóm nghiên cứu tiến hành khảo sát trên địa bàn xã Tân Cương nhằm quan sát, chụp ảnh và thu thập thông tin liên quan đến nghiên cứu để tiến hành xây dựng mẫu phiếu và lựa chọn đối tượng điều tra.

2.2. Điều tra xã hội học

Nghiên cứu tiến hành điều tra bằng bảng hỏi sử dụng thang đo Likert 5 mức độ về nhận thức về KTTH trong du lịch nông thôn đối với hai đối tượng:

+ Đối tượng 1: Các hộ trồng chè có tham gia vào hoạt động du lịch nông thôn như: dịch vụ lưu trú, bán và giới thiệu sản phẩm, ăn uống, hoạt động trải nghiệm cho khách du lịch... Theo thống kê của UBND xã Tân Cương, trên địa bàn xã hiện nay có khoảng 200 hộ trồng chè tham gia vào hoạt động du lịch nông thôn, với số mẫu như vậy nghiên cứu điều tra toàn bộ số hộ có tham gia vào hoạt động du lịch nông thôn tại vùng chè Tân Cương..

+ Đối tượng 2: Khách du lịch đã từng tham gia du lịch tại vùng chè Tân Cương. Nghiên cứu điều tra 100 khách du lịch đã từng tham gia du lịch nông thôn tại vùng chè Tân Cương.

Trước khi tiến hành điều tra, nhóm nghiên cứu đã thực hiện điều tra thử 5 hộ trồng chè tham gia vào hoạt động du lịch nông thôn và 5 khách du lịch để điều chỉnh sửa chữa các sai sót nếu có khi xây dựng phiếu điều tra, sau đó mới tiến hành điều tra khảo sát đại trà.

2.3. Xử lý số liệu

Các số liệu điều tra xã hội học được xử lý bằng phần mềm Excel và phần mềm SPSS để tính giá trị trung bình của thang đo Likert. Dựa trên giá trị trung bình, các mức độ được phân thành các khoảng như sau:

1,00-1,80: Rất không đồng ý

1,81-2,60: Không đồng ý

2,61-3,40: Phân vân

3,41-4,20: Đồng ý

4,21-5,00: Rất đồng ý

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Mức độ sử dụng các loại hóa chất trong sản xuất phục vụ hoạt động du lịch

Đối với các hộ trồng chè trên địa bàn xã Tân Cương có tham gia các hoạt động du lịch tại vùng chè Tân Cương nhận thức về mức độ sử dụng các loại hóa chất trong sản xuất, phục vụ hoạt động du lịch nông thôn là một chỉ tiêu đánh giá rất quan trọng về nhận thức và hiểu biết của các hộ khi làm du lịch, vì tiêu chí đầu tiên để khách du lịch đến điểm đến đó là an toàn về sức khỏe. Vì vậy việc đánh giá xem người dân nhận thức về việc sử dụng các hóa chất như thế nào để đánh giá điểm đến an toàn cho sức khỏe của người sản xuất và khách du lịch là rất quan trọng

Theo đánh giá của 200 hộ dân làm du lịch nông thôn tại vùng chè Tân Cương kết quả cho thấy các hộ điều tra đều đã có các hiểu biết cơ bản, không hoặc rất ít sử dụng hóa chất độc hại trong sản xuất chè và sinh hoạt hàng ngày với điểm trung bình là 1,74 tương đương với mức ý nghĩa rất không sử dụng. Điều này phù hợp với thực tế hiện nay tại Tân Cương với diện tích vùng chè gần 2.000ha đã có trên 70% diện tích chè đạt tiêu chuẩn Vietgap và khoảng gần 15% diện tích theo hướng hữu cơ và đạt tiêu chuẩn hữu cơ trong sản xuất.

Phần lớn hộ dân được khảo sát cho rằng việc lạm dụng hóa chất trong sản xuất chè phục vụ hoạt động du lịch nông nghiệp có hại và không đảm bảo tiêu chuẩn sản xuất chè theo các tiêu chuẩn hiện hành. Thông qua các lớp tập huấn tuyên truyền các hộ

đã hiểu được tác hại thuốc hóa học trong bảo vệ thực vật đối với sức khỏe cho chính mình và khách du lịch với điểm trung bình là 4,26 với mức là rất đồng ý cao.

Bảng 1. Đánh giá của hộ về mức độ sử dụng các loại hóa chất trong sản xuất, phục vụ hoạt động du lịch

Chỉ tiêu	Giá trị trung bình	Ý nghĩa
Mức độ sử dụng thuốc nguồn gốc hóa học phòng trừ bệnh sâu bệnh trong trồng chè	1,74	Rất không đồng ý
Người dân hiểu được tác hại thuốc hóa học trong bảo vệ thực vật đối với sức khỏe	4,26	Rất đồng ý
Mức độ sử dụng thuốc phòng trừ muỗi và côn trùng hoá học	2,64	Phân vân
Mức độ dùng chất tẩy rửa bằng hóa chất hàng ngày (nước rửa tay, rửa chén bát, kem đánh răng, xà phòng)	4,45	Rất đồng ý
Mức độ sử dụng các đồ bằng nhựa và nilong	4,22	Rất đồng ý

Nguồn: Số liệu khảo sát (2026).

Tuy nhiên, về mức độ sử dụng thuốc phòng trừ muỗi và côn trùng hoá học hiện nay do hoạt động du lịch nông thôn tại vùng chè Tân Cương có các hoạt động liên quan để trải nghiệm như hái chè, sao chè,... của khách du lịch cũng như của người dân hướng dẫn khách nếu như các hoạt động này khi tham gia có rất nhiều muỗi và côn trùng sẽ tạo cảm giác không thoải mái và khó chịu cho khách du lịch. Mặc dù người dân đã làm các thuốc bẫy sinh học để đuổi muỗi và đuổi côn trùng nhưng đôi khi tại các phòng ngủ cộng đồng hoặc các khu vực chung khoảng 1 năm/1 lần người dân vẫn sử dụng thuốc trừ muỗi và côn trùng hóa học.

Ngoài ra, hiện nay tại vùng chè Tân Cương về mức độ sử dụng chất tẩy rửa bằng hóa chất hàng ngày (nước rửa tay, rửa chén bát, kem đánh răng, xà phòng) hoặc các đồ bằng nhựa và nilong, các hộ dân được khảo sát đánh giá ở mức “rất đồng ý” với điểm trung bình là 4,22 điểm đến 4,45 điểm. Hiện tại, việc sử dụng các vật dụng trên vẫn còn nhiều, do tính tiện lợi, giá thành rẻ, tuy nhiên nghiên cứu chưa khảo sát được mức độ thích hay không thích sử dụng các đồ bằng nhựa và nilong nên khi đánh giá các chỉ tiêu như “Người dân thích sử dụng các đồ dùng bằng nhựa và nilong” hay chỉ tiêu “Du khách có thể không thích dùng đồ nhựa và nilong do không thân thiện với môi trường” vẫn đang ở mức “Phân vân”.

3.2. Mức độ sử dụng các vật liệu tự nhiên cho hoạt động du lịch

Đánh giá mức độ sử dụng các vật liệu tự nhiên cho hoạt động du theo đánh giá của hộ dân làm du lịch nông thôn tại vùng chè Tân Cương cho thấy các hộ dân đều “Đồng ý” với các chỉ tiêu đánh giá đã sử dụng các vật liệu tự nhiên cho hoạt động du lịch. Hiện nay người dân mặc dù thích sử dụng thuốc bảo vệ thực vật từ tự nhiên và có nhiều bài thuốc dân gian trong trừ sâu bệnh cho cây. Tuy nhiên các bài thuốc dân gian đó không

phải dễ làm, cũng như tính hiệu quả của các bài thuốc đó không phải ngay tức thì mà cần nhiều thời gian mới phát huy tác dụng. Do vậy các hộ làm du lịch vẫn đang áp dụng song song cách sử dụng nguyên liệu tự nhiên để phòng trừ bệnh cho gia súc gia cầm, chống sâu bệnh hại và các loại thuốc hoá học khác.

Bảng 2. Đánh giá của hộ về mức độ sử dụng các các vật liệu tự nhiên cho hoạt động du lịch

Chỉ tiêu	Giá trị trung bình	Ý nghĩa
Mức độ sử dụng thuốc bảo vệ thực vật từ tự nhiên	2,68	Phân vân
Mức độ sử dụng thuốc phòng trừ bệnh cho gia súc, gia cầm từ tự nhiên	2,72	Phân vân
Mức độ sử dụng các đồ dùng tự nhiên bằng gỗ, tre,... trong hoạt động du lịch	3,45	Đồng ý

Nguồn: Số liệu khảo sát (2026).

Hiện nay tại vùng chè Tân Cương, đồ dùng sử dụng cho khách du lịch đã dần được thay thế bằng các loại vật dụng thân thiện với môi trường và có sẵn trong tự nhiên như gỗ, tre, vật dụng tái chế được để giảm thiểu sự lãng phí hoặc rác thải sinh hoạt như: giỏ hái chè, gùi đeo lưng bằng tre; dụng cụ chế biến chè thủ công hoặc các vật dụng như khay trà, bàn trà bằng tre/gỗ, cốc gỗ, chén tre thủ công, ống hút tre thay nhựa, hộp đựng trà bằng gỗ,... các sản phẩm này tạo sự thoải mái và thu hút khách du lịch.

3.3. Mức độ tái sử dụng các đồ dùng tự nhiên cho hoạt động du lịch

Về mức độ tái sử dụng các đồ dùng tự nhiên trong hoạt động du lịch là chỉ tiêu quan trọng trong KTTH, theo đánh giá của hộ làm du lịch nông thôn đánh giá hầu hết các chỉ tiêu ở mức “Phân vân ” là do hiện nay điều kiện kinh tế của các hộ làm du lịch đã khá hơn, vì vậy khi đồ dùng hư hỏng, người dân thường thay thế luôn, chỉ còn bộ phận nhỏ người dân giữ thói quen tái chế hoặc sửa chữa các đồ dùng đã bị hỏng, tận dụng để tiếp tục sử dụng trong hộ.

Bảng 3. Đánh giá của hộ về mức độ tái sử dụng các đồ dùng tự nhiên trong hoạt động du lịch nông thôn

Chỉ tiêu	Giá trị trung bình	Ý nghĩa
Mức độ sử dụng đồ thay thế	3,25	Phân vân
Mức độ tái sử dụng đồ dùng cho hoạt động du lịch	2,68	Phân vân
Tần suất sử dụng các sản phẩm có thể tái sử dụng nhiều lần	3,45	Đồng ý

Nguồn: Số liệu khảo sát (2026).

Đối với KTTH, mức độ tái sử dụng và tần suất sử dụng các đồ dùng tự nhiên trong hoạt động du lịch nông thôn là rất cần thiết vì sẽ đem lại cảm giác gần gũi với thiên nhiên, điều này ít thấy tại các điểm du lịch ở vùng đô thị. Đây cũng chính là điều tạo ra sự khác biệt và thích thú khi trải nghiệm du lịch tại đây.

3.4. Mức độ hài lòng của khách du lịch khi trải nghiệm các mô hình áp dụng KTTH

Đánh giá mức độ hài lòng của khách du lịch khi trải nghiệm các mô hình áp dụng KTTH tại vùng chè Tân Cương với 100 khách du lịch được phỏng vấn cho thấy: 73% khách du lịch thấy rất hài lòng khi thăm quan và trải nghiệm các mô hình có sử dụng KTTH như không sử dụng thuốc hoá học, sử dụng đồ bằng tre, gỗ, sử dụng các đồ thân thiện với môi trường,...

**Bảng 5. Mức độ hài lòng
của khách du lịch khi trải nghiệm các mô hình áp dụng KTTH**

Chỉ tiêu	Tỷ lệ (%)
Rất hài lòng khi thăm quan và trải nghiệm mô hình có sử dụng KTTH	73
Nhất định sẽ quay lại cùng bạn bè hoặc người thân	82
Sẵn sàng giới thiệu cho người khác điểm du lịch nông thôn	84
Sẵn sàng chi trả cao hơn cho dịch vụ du lịch bền vững	75

Nguồn: Số liệu khảo sát (2026).

Theo khảo sát, có đến 84 khách du lịch tương ứng với 84% số lượng khách được hỏi sẵn sàng giới thiệu cho người khác về điểm du lịch tại vùng chè Tân Cương và 75% số lượng khách du lịch sẵn sàng chi trả cao hơn cho dịch vụ du lịch bền vững tại vùng chè Tân Cương. Tại đây đã làm cho khách du lịch rất hài lòng khi “Người dân sẵn sàng chia sẻ bài học, kinh nghiệm lao động sản xuất để du khách học tập, trải nghiệm” hay “Du khách luôn thấy thoải mái nói chuyện, chia sẻ, trao đổi kiến thức với các thành viên trong cộng đồng”. Hơn nữa, khách du lịch cảm thấy vui vẻ sử dụng các đồ dùng đã được sửa chữa, điều chỉnh hay tái chế trong các hoạt động trải nghiệm của mình.

4. GIẢI PHÁP NÂNG CAO NHẬN THỨC VỀ KINH TẾ TUẦN HOÀN TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH NÔNG THÔN TẠI VÙNG CHÈ TÂN CƯƠNG

Thứ nhất, tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục và tập huấn cho cộng đồng địa phương và khách du lịch về việc áp dụng KTTH trong hoạt động du lịch nông thôn. Qua đó, góp phần nâng cao nhận thức và thúc đẩy hành vi bảo vệ môi trường tự nhiên. Cần khuyến khích các hành vi du lịch có trách nhiệm như sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường, hạn chế đồ nhựa và nilong dùng một lần, đồng thời sử dụng tiết kiệm nguồn tài nguyên như điện và nước tại các cơ sở lưu trú và điểm tham quan. Cộng đồng địa phương và khách du lịch đóng vai trò trung tâm trong việc duy trì và phát triển vòng tuần hoàn trong du lịch nông thôn; do đó, việc nâng cao nhận thức cho các nhóm đối tượng này là yếu tố then chốt để thúc đẩy phát triển bền vững du lịch tại vùng chè Tân Cương.

Thứ hai, đa dạng hoá các sản phẩm và dịch vụ du lịch nông thôn theo hướng bền vững dựa trên nguyên tắc của KTTH tại vùng chè Tân Cương. Việc ứng dụng KTTH cho phép người dân làm du lịch tận dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên thông qua việc sử dụng nguyên liệu tái chế hoặc tài nguyên tái tạo trong quá trình cung ứng sản phẩm và dịch vụ du lịch nông thôn. Cụ thể như tại các điểm du lịch và cơ sở lưu trú, việc sử dụng đồ nội thất và các đồ trang thiết bị thân thiện với môi trường như bình nước hoặc các sản phẩm được làm từ gỗ, tre, sợi tự nhiên thay thế cho các vật liệu độc hại có thể góp phần giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường. Đồng thời, việc ứng dụng các nguồn năng lượng tái tạo như năng lượng mặt trời, gió hoặc thủy năng trong vận hành cơ sở lưu trú cũng là giải pháp quan trọng nhằm nâng cao tính bền vững của hoạt động du lịch.

Thứ ba, tăng cường sự hợp tác giữa các bên liên quan trong phát triển du lịch nông thôn gắn với KTTH, trong đó nhấn mạnh vai trò trung tâm của cộng đồng địa phương. Việc phát triển du lịch theo hướng KTTH đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa cộng đồng, doanh nghiệp, các tổ chức bảo vệ môi trường và cơ quan quản lý nhà nước nhằm tối ưu hóa việc sử dụng tài nguyên du lịch và năng lượng. Cộng đồng địa phương cần tích cực tham gia đóng góp ý tưởng và nguồn lực để phát triển các sản phẩm du lịch đặc trưng, trong khi doanh nghiệp du lịch đóng vai trò trong việc đổi mới mô hình kinh doanh và liên kết với cộng đồng để tạo ra lợi ích chung. Bên cạnh đó, các tổ chức môi trường có thể hỗ trợ đề xuất giải pháp nhằm đảm bảo sự cân bằng giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường, góp phần hướng tới mục tiêu phát triển du lịch bền vững.

5. KẾT LUẬN

Nghiên cứu đã làm rõ nhận thức về KTTH trong phát triển du lịch nông thôn tại vùng chè Tân Cương, tỉnh Thái Nguyên trong bối cảnh áp lực môi trường ngày càng gia tăng từ hoạt động du lịch. Kết quả khảo sát đã đánh giá nhận thức của các hộ trồng chè có tham gia vào các hoạt động du lịch ở các khía cạnh như: mức độ sử dụng các loại hóa chất trong sản xuất phục vụ hoạt động du lịch, mức độ sử dụng các vật liệu tự nhiên cho hoạt động du lịch, mức độ tái sử dụng các đồ dùng tự nhiên cho hoạt động du lịch và đánh giá mức độ hài lòng của khách du lịch khi trải nghiệm các mô hình áp dụng KTTH. Đây là các chỉ tiêu cơ bản để đánh giá nhận thức của cộng đồng địa phương và khách du lịch về mô hình KTTH trong du lịch nông thôn. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất các giải pháp trọng tâm như tăng cường tuyên truyền, khuyến khích sử dụng và tái sử dụng các vật liệu tự nhiên và thúc đẩy hợp tác đa bên trong phát triển du lịch nông thôn gắn với KTTH. Việc triển khai đồng bộ các giải pháp này sẽ góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, giảm thiểu tác động môi trường và tăng sức cạnh tranh cho du lịch nông thôn tại vùng chè Tân Cương theo hướng KTTH.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Khoa học và Công nghệ. Kinh tế tuần hoàn: xu hướng phát triển kinh tế bền vững trong thế kỷ 21. Tổng luận Khoa học - Công nghệ - Kinh tế (số 12/2022)
- Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch tỉnh Thái Nguyên, 2026, Báo cáo tổng kết công tác phát du lịch tỉnh Thái Nguyên năm 2025 và triển khai nhiệm vụ trọng tâm năm 2026.
- Mạnh Hùng (2022). Rác thải nhựa ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp. Tạp chí Cộng sản điện tử. Truy cập từ <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/bao-ve-moi-truong/-/2018/826009/rac-thai-nhua-o-viet-nam--thuc-trang-va-giai-phap.aspx>, ngày 17/4/2026.
- Nguyễn Thị Phương Thảo, Nguyễn Văn Hoàng & Trần Thị Tuyết Trinh (2020). Đánh giá hiện trạng và đề xuất mô hình kinh tế tuần hoàn trong sản xuất nông nghiệp Việt Nam. Tạp chí Khoa học Phát triển. 18(4): 526-539.